PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 3

Chủ điểm Cộng đồng gắn bó · Bài 29–30 (SGK tr. 129–136)

Tuần 16

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Đọc hiểu: đọc bài và trả lời câu hỏi

Người đưa thư vùng cao

Ở các bản làng vùng cao, người đưa thư phải đi rất xa mới đến được từng nhà. Mỗi sáng, họ xếp thư, báo, bưu phẩm vào chiếc túi lớn rồi lên đường bằng xe máy. Có những đoạn dốc trơn, họ phải dắt xe đi bộ hàng giờ. Mùa mưa, đường sạt lở, họ vẫn tìm cách vượt qua để thư không bị chậm. Nhờ họ, người dân ở nơi xa xôi vẫn nhận được tin của người thân và đọc được báo mới.

1. Người đưa thư vùng cao đi bằng gì? (A) Xe đạp (B) Xe máy (C) Ô tô

2. Gặp dốc trơn, họ làm gì? (A) Dắt xe đi bộ (B) Quay về (C) Chờ trời tạnh

3. Nhờ người đưa thư, người dân có gì?

(A) Đường mới, cầu mới (B) Điện sáng, nước sạch (C) Tin người thân, báo mới

4. Em nghĩ gì về công việc của người đưa thư?

.....

Bài 2: Chính tả: điền sao, xao, sào hoặc xào

ngôi ..... nhãng ..... rau cây

.....

Bài 3: Chính tả: khoanh vào tiếng viết đúng (ao hay au?)

1. ... kỉnh (A) cáo (B) cáu 2. con ... già (A) cáo (B) cáu

3. chạy thật ... (A) mao (B) mau

Bài 4: Luyện từ và câu: xếp các từ trong khung vào nhóm

lá thư đưa con dốc dắt chiếc túi đọc

1. Từ chỉ sự vật:

.....

2. Từ chỉ hoạt động:

.....

Bài 5: Luyện từ và câu: đặt câu hỏi «Cái gì...?» hoặc «... làm gì?» cho mỗi câu

1. Người đưa thư dắt xe qua dốc. →

.....

2. Chiếc túi đựng đầy thư và báo. →

.....

3. Bác Hai đọc báo mới. →

.....

Bài 6: Viết thư: phần hỏi thăm

Viết 4–5 câu hỏi thăm một người ở xa (ông bà, chú bộ đội, bạn cũ...).

Em viết cho ai? Hỏi thăm sức khoẻ, công việc, cuộc sống ra sao? Cuối thư chúc điều gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

onthi.app
ôn thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TIẾNG VIỆT LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 16

Bài 1: Đọc hiểu: đọc bài và trả lời câu hỏi

1. **B** (Xe máy)
2. **A** (Dắt xe đi bộ)
3. **C** (Tin người thân, báo mới)
4. Gợi ý: Công việc rất vất vả nhưng có ích; em quý trọng, biết ơn họ.

Bài 2: Chính tả: điền sao, xao, sào hoặc xào

ngôi **sao** **xao** nhãng **xào** rau cây **sào**

Bài 3: Chính tả: khoanh vào tiếng viết đúng (ao hay au?)

1. **B** (cáu) 2. **A** (cáo) 3. **B** (mau)

Bài 4: Luyện từ và câu: xếp các từ trong khung vào nhóm

1. Từ chỉ sự vật: **lá thư, con dốc, chiếc túi**
2. Từ chỉ hoạt động: **đưa, dắt, đọc**

Bài 5: Luyện từ và câu: đặt câu hỏi «Cái gì...?» hoặc «... làm gì?» cho mỗi câu

1. Người đưa thư dắt xe qua dốc. → **Người đưa thư làm gì?**
2. Chiếc túi đựng đầy thư và báo. → **Cái gì đựng đầy thư và báo?**
3. Bác Hai đọc báo mới. → **Bác Hai làm gì?**

Bài 6: Viết thư: phần hỏi thăm

Gợi ý: Chú bộ đội kính mến! Dạo này chú có khoẻ không ạ? Ngoài đảo trời có nhiều gió không chú? Công việc canh giữ biển của chú có vất vả lắm không? Cháu chúc chú luôn mạnh khoẻ.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án